BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI

Các học phần thi trắc nghiệm - Học kỳ 1 - Năm học 2022-2023

(gồm các học phần của các khóa/lớp năm thứ hai trở lên, và các học phần học lại theo chương trình cũ)

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K73	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 12/01/2023	1601166 - 1801039	Phòng máy số 1
				1801041 - 1801092	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 12/01/2023	1801094 - 1801148	Phòng máy số 1
				1801149 - 1801215	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 12/01/2023	1801216 - 1801271	Phòng máy số 1
				1801275 - 1801333	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 12/01/2023	1801335 - 1801387	Phòng máy số 1
				1801388 - 1801459	Phòng máy số 2
			14h15 ngày 12/01/2023	1801460 - 1801512	Phòng máy số 1
				1801514 - 1801573	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 12/01/2023	1801575 - 1801624	Phòng máy số 1
				1801626 - 1801684	Phòng máy số 2
			7h45 ngày 13/01/2023	1801685 - 1801735	Phòng máy số 1
				1801736 - 1801795	Phòng máy số 2
K74	Dịch tễ dược cơ bản	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 20/12/2022	1601326 - 1901030	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 20/12/2022	1901031 - 1901072	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 20/12/2022	1901073 - 1901114	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 20/12/2022	1901115 - 1901159	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 20/12/2022	1901160 - 1901201	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 20/12/2022	1901202 - 1901246	Phòng máy số 1

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K74	Dịch tễ dược cơ bản	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 21/12/2022	1901247 - 1901287	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 21/12/2022	1901288 - 1901330	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 21/12/2022	1901331 - 1901372	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 21/12/2022	1901373 - 1901413	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 21/12/2022	1901414 - 1901455	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 21/12/2022	1901456 - 1901498	Phòng máy số 1
			7h45 ngày 22/12/2022	1901499 - 1901543	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 22/12/2022	1901544 - 1901588	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 22/12/2022	1901590 - 1901635	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 22/12/2022	1901636 - 1901679	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 22/12/2022	1901680 - 1901720	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 22/12/2022	1901721 - 1901761	Phòng máy số 1
			8h45 ngày 23/12/2022	1901762 - 1901805	Phòng máy số 1
N/K74	Hóa sinh lâm sàng	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 26/12/2022	1901005 - 1901166	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 26/12/2022	1901169 - 1901334	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 26/12/2022	1901343 - 1901476	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 26/12/2022	1901478 - 1901662	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 26/12/2022	1901668 - 1901802	Phòng máy số 1
K74	Dược học cổ truyền	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 04/01/2023	1501549 - 1901025	Phòng máy số 1
				1901026 - 1901069	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 04/01/2023	1901070 - 1901108	Phòng máy số 1
				1901109 - 1901154	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 04/01/2023	1901155 - 1901194	Phòng máy số 1
				1901195 - 1901242	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 04/01/2023	1901243 - 1901281	Phòng máy số 1
				1901282 - 1901327	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K74	Dược học cổ truyền	Trắc nghiệm trên máy tính	14h15 ngày 04/01/2023	1901328 - 1901367	Phòng máy số 1
				1901368 - 1901411	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 04/01/2023	1901412 - 1901451	Phòng máy số 1
				1901452 - 1901497	Phòng máy số 2
			7h45 ngày 05/01/2023	1901498 - 1901540	Phòng máy số 1
				1901541 - 1901588	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 05/01/2023	1901590 - 1901633	Phòng máy số 1
				1901634 - 1901680	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 05/01/2023	1901681 - 1901719	Phòng máy số 2
				1901720 - 1901763	Phòng máy số 1
			14h00 ngày 05/01/2023	1901764 - 1901805	Phòng máy số 1
K74	Bào chế và sinh dược học 1	Trắc nghiệm trên máy tính	10h15 ngày 10/01/2023	1301246 - 1901003	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 10/01/2023	1901004 - 1901047	Phòng máy số 1
				1901048 - 1901091	Phòng máy số 2
			14h15 ngày 10/01/2023	1901092 - 1901132	Phòng máy số 1
				1901133 - 1901179	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 10/01/2023	1901180 - 1901221	Phòng máy số 1
				1901222 - 1901268	Phòng máy số 2
			7h45 ngày 11/01/2023	1901269 - 1901309	Phòng máy số 1
				1901310 - 1901357	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 11/01/2023	1901358 - 1901397	Phòng máy số 1
				1901399 - 1901443	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 11/01/2023	1901444 - 1901486	Phòng máy số 1
				1901487 - 1901534	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 11/01/2023	1901535 - 1901577	Phòng máy số 1
				1901578 - 1901628	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K74	Bào chế và sinh dược học 1	Trắc nghiệm trên máy tính	14h15 ngày 11/01/2023	1901630 - 1901673	Phòng máy số 1
				1901674 - 1901717	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 11/01/2023	1901718 - 1901758	Phòng máy số 1
				1901759 - 1901805	Phòng máy số 2
K75	Pháp luật đại cương	Trắc nghiệm trên máy tính	13h00 ngày 27/12/2022	1901007 - 2001032	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 27/12/2022	2001033 - 2001071	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 27/12/2022	2001072 - 2001111	Phòng máy số 1
			7h45 ngày 28/12/2022	2001112 - 2001155	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 28/12/2022	2001156 - 2001195	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 28/12/2022	2001196 - 2001235	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 28/12/2022	2001236 - 2001276	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 28/12/2022	2001277 - 2001319	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 28/12/2022	2001320 - 2001360	Phòng máy số 1
			7h45 ngày 29/12/2022	2001361 - 2001400	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 29/12/2022	2001401 - 2001443	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 29/12/2022	2001444 - 2001482	Phòng máy số 1
			13h00 ngày 29/12/2022	2001483 - 2001520	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 29/12/2022	2001521 - 2001561	Phòng máy số 1
			15h30 ngày 29/12/2022	2001562 - 2001599	Phòng máy số 1
			7h45 ngày 30/12/2022	2001600 - 2001639	Phòng máy số 1
			9h00 ngày 30/12/2022	2001640 - 2001679	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 30/12/2022	2001680 - 2001722	Phòng máy số 1
K75	Hoá sinh	Trắc nghiệm trên máy tính	9h00 ngày 13/01/2023	1301246 - 2001026	Phòng máy số 1
				2001027 - 2001066	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 13/01/2023	2001067 - 2001104	Phòng máy số 1
				2001105 - 2001148	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K75	Hoá sinh	Trắc nghiệm trên máy tính	13h00 ngày 13/01/2023	2001149 - 2001187	Phòng máy số 1
				2001188 - 2001229	Phòng máy số 2
			14h15 ngày 13/01/2023	2001230 - 2001269	Phòng máy số 1
				2001270 - 2001312	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 13/01/2023	2001314 - 2001354	Phòng máy số 1
				2001355 - 2001396	Phòng máy số 2
			7h45 ngày 14/01/2023	2001397 - 2001438	Phòng máy số 1
				2001439 - 2001479	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 14/01/2023	2001480 - 2001516	Phòng máy số 1
				2001517 - 2001559	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 14/01/2023	2001560 - 2001596	Phòng máy số 1
				2001597 - 2001638	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 14/01/2023	2001639 - 2001677	Phòng máy số 1
				2001678 - 2001722	Phòng máy số 2
K76	Giải phẫu sinh lý	Trắc nghiệm trên máy tính	14h00 ngày 05/01/2023	1401010 - 2101038	Phòng máy số 2
			15h15 ngày 05/01/2023	2101039 - 2101077	Phòng máy số 1
				2101080 - 2101124	Phòng máy số 2
			8h45 ngày 06/01/2023	2101125 - 2101163	Phòng máy số 1
				2101164 - 2101206	Phòng máy số 2
			10h00 ngày 06/01/2023	2101207 - 2101244	Phòng máy số 1
				2101245 - 2101288	Phòng máy số 2
			14h00 ngày 06/01/2023	2101289 - 2101326	Phòng máy số 1
				2101327 - 2101370	Phòng máy số 2
			15h15 ngày 06/01/2023	2101371 - 2101409	Phòng máy số 1
				2101410 - 2101455	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K76	Giải phẫu sinh lý	Trắc nghiệm trên máy tính	8h45 ngày 07/01/2023	2101456 - 2101496	Phòng máy số 1
				2101497 - 2101541	Phòng máy số 2
			10h00 ngày 07/01/2023	2101542 - 2101582	Phòng máy số 1
				2101583 - 2101626	Phòng máy số 2
			14h00 ngày 07/01/2023	2101627 - 2101666	Phòng máy số 1
				2101667 - 2101709	Phòng máy số 2
			15h15 ngày 07/01/2023	2101710 - 2101726	Phòng máy số 1
K76	Ngoại ngữ 3	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 09/01/2023	1301475 - 1901035	Phòng máy số 1
				1901353 - 2101042	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 09/01/2023	2101043 - 2101091	Phòng máy số 1
				2101092 - 2101135	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 09/01/2023	2101136 - 2101178	Phòng máy số 1
				2101179 - 2101221	Phòng máy số 2
			13h00 ngày 09/01/2023	2101223 - 2101264	Phòng máy số 1
				2101265 - 2101306	Phòng máy số 2
			14h15 ngày 09/01/2023	2101307 - 2101348	Phòng máy số 1
				2101349 - 2101396	Phòng máy số 2
			15h30 ngày 09/01/2023	2101397 - 2101441	Phòng máy số 1
				2101443 - 2101487	Phòng máy số 2
			7h45 ngày 10/01/2023	2101488 - 2101529	Phòng máy số 1
				2101530 - 2101579	Phòng máy số 2
			9h00 ngày 10/01/2023	2101580 - 2101620	Phòng máy số 1
				2101621 - 2101668	Phòng máy số 2
			10h15 ngày 10/01/2023	2101669 - 2101708	Phòng máy số 1
				2101709 - 2101726	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
H1K1	Dược lý đại cương	Trắc nghiệm trên máy tính	9h00 ngày 19/12/2022	2091001 - 2091030	Phòng máy số 1
			10h15 ngày 19/12/2022	2091031 - 2091064	Phòng máy số 1
H1K1	Dược động học	Trắc nghiệm trên máy tính	13h00 ngày 30/12/2022	2091001 - 2091031	Phòng máy số 1
			14h15 ngày 30/12/2022	2091032 - 2091064	Phòng máy số 1
H1K2	Giải phẫu sinh lý	Trắc nghiệm trên máy tính	15h15 ngày 07/01/2023	2191001 - 2191017	Phòng máy số 1
				2191018 - 2191061	Phòng máy số 2
H1K2	Hóa lý dược	Trắc nghiệm trên máy tính	14h15 ngày 14/01/2023	2191001 - 2191029	Phòng máy số 1
				2191030 - 2191061	Phòng máy số 2
HLDH	Hoá đại cương vô cơ	Trắc nghiệm trên máy tính	10h00 ngày 23/12/2022	1801103 - 2101117	Phòng máy số 1
HLDH	Tin học	Trắc nghiệm trên máy tính	7h45 ngày 26/12/2022	1801353 - 2101205	Phòng máy số 1

Ghi chú:

- Yêu cầu sinh viên có mặt tại phòng máy trước giờ thi 30 phút.

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Người lập kế hoạch	KT. Trưởng phòng Đào tạo Trưởng BP Đào tạo đại học	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hà Dương	Trần Thị Lan Hương	Đinh Thị Thanh Hải